

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 20 – 5 – 2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ánh Ngọc

Ông Huỳnh Việt Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/12/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Minh H, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số P5/068, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1975.

HKTT: Số P5/068, ấp Nguyễn H, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Số P5/020, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H, anh T đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Minh H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện yêu thương nhau từ năm 2000 và vợ chồng tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/8/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại P5/020, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Đến năm 2005 thì vợ chồng xây nhà ra ở riêng tại địa chỉ P5/068, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2018 nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên anh chị thường xuyên mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say sưa, không quan tâm tới vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên anh T nên thay đổi nhưng anh T vẫn không khắc phục được. Vào năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh đập gây thương tích, chị đã có đơn trình báo ra công an xã Quang Trung để giải quyết. Công an xã Quang Trung đã lập biên bản xử lý hành vi của anh T tuy nhiên do thời gian đã lâu nên hồ sơ đã thất lạc nên chị không thể giao nộp cho Tòa án những tài liệu này.

Từ tháng 06/2021 do mâu thuẫn trầm trọng nên anh T đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại P5/020, ấp N, xã Quang Trung để sinh sống. Từ đó, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- **Về con chung:** Vợ chồng chung sống có 04 con chung là Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 14/02/2004; Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/5/2005; Nguyễn Ngọc Tố N, sinh ngày 17/12/2011 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 02/02/2016. Tại đơn khởi kiện, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng bốn con chung, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Cao Kỳ D đã thành niên và có khả năng lao động. Nay, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Đức T, Nguyễn Ngọc Tố N, và Nguyễn Quốc H không yêu cầu anh Thắng phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Nguyễn Đức T vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến và chứng cứ, tài liệu có liên quan về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* **Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- **Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:** Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, cả nguyên đơn, bị đơn đều không đến tham dự phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh H được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/5/2005; cháu Nguyễn Ngọc Tố N, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 02/02/2016 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Buộc chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn anh Nguyễn Đức T hiện đang cư trú tại số P5/020, ấp N, xã Q, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, nguyên đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Minh H và anh Nguyễn Đức T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/08/2002. Căn cứ các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua trình bày của các đương sự tại tòa án cho thấy quá trình chung sống giữa vợ chồng chị H và anh T đã đề xảy ra mâu thuẫn từ năm 2018. Từ tháng 06/2021 anh T đã bỏ về nhà cha mẹ để ở cho đến nay, từ đó vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ và chia sẻ với nhau công việc trong gia đình.

Theo nguyên đơn chị H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ do vợ chồng đã không còn sống chung với nhau trong thời gian dài, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng anh T đều vắng mặt, cả anh T và chị H đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị H đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng ông bà chung sống có 04 con chung là cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 14/02/2004; cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/5/2005; cháu Nguyễn Ngọc Tố N, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 02/02/2016.

Xét yêu cầu của nguyên đơn khi ly hôn được trực tiếp nuôi nhận thấy: Hiện tại cháu Nguyễn Đức T; cháu Nguyễn Ngọc Tố N và cháu Nguyễn Quốc H đang sống chung với chị H. Nguyên vọng của các cháu T và cháu N là được sống cùng chị H khi cha mẹ ly hôn. Chị H làm buôn bán tự do, thu nhập bình quân hàng tháng 10.000.000đ. Ngoài ra có gia đình nhà ngoại phụ giúp thêm chị việc chăm sóc các con và phụ giúp thêm tiền cho chị nuôi con. Với mức thu nhập những điều kiện cần thiết như trên chị H có đủ điều kiện để tiếp tục chăm lo cho con chung. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Đức T; cháu Nguyễn Ngọc Tố N và cháu Nguyễn Quốc H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Riêng cháu Nguyễn Cao Kỳ D hiện đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.3] *Về cấp dưỡng*: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H và anh T đều xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí DSST: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung của chị Phạm Thị Minh H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị Minh H ly hôn anh Nguyễn Đức T.

2. *Về con chung:*

Giao các cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 18/5/2005; Nguyễn Ngọc Tổ N, sinh ngày 17/12/2011 và cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 02/02/2016 cho chị Phạm Thị Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Riêng cháu Nguyễn Cao Kỳ D, sinh ngày 14/02/2004 đã trưởng thành và đủ khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Tạm thời anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phạm Thị Minh H không yêu cầu.

Anh Nguyễn Đức T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Minh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003393 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Minh H và anh Nguyễn Đức T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Quang Trung, H. Thống Nhất, T. Đồng Nai (số ĐKKH II2 quyền số 02/2002 ngày 19/8/2002);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Lan